

Bản án số: 29/2022/HS-ST

Ngày 29/11/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Khắc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST- HS ngày 02 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 11 năm 2022 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Dương Thị L** (tên gọi khác: Không)

Sinh ngày 19 tháng 12 năm 1964; tại huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Khu M, xã M2, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Kinh Doanh; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Dương Nh, sinh năm 1930 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1930 (đã chết);

Chồng: Hà Kim Ch, sinh năm 1959; Con: Có 02 con (lớn sinh năm: 1982, nhỏ sinh năm: 1985).

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân NLQ3 (án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật): Không.

Bị cáo hiện đang chấp biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M2, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt tại phiên tòa).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Bùi Thị NLQ1, sinh ngày 17/12/1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu Đ, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

+ UBND xã NLQ2, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: ông Hà Đức Th – chức vụ: Chủ tịch UBND xã (vắng mặt).

+ Ông Đinh Văn NLQ3, sinh ngày 04/11/1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu Ch, xã NLQ4, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

+ UBND xã NLQ4, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: ông Phùng Xuân Th2 - chức vụ: Chủ tịch UBND xã (vắng mặt).

+ Chị Hà Thị NLQ5, sinh ngày 11/9/1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Xuân 2, xã NLQ6, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ UBND xã NLQ6, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: ông Hà Thanh G – chức vụ: Chủ tịch UBND xã (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Ngày 07/11/2019, UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số: 2601033853 cho **“Hợp tác xã tổng hợp L”**, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09/12/2019, địa chỉ trụ sở chính: Khu M, xã M2, huyện T, tỉnh Phú Thọ; ngành, nghề kinh doanh: chăn nuôi, trồng trọt, vận tải, bán buôn, bán lẻ vải, hàng may mặc và các hàng hóa khác trong các cửa hàng ...người đại diện theo pháp luật: Dương Thị L.

Từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021, Dương Thị L có hành vi xuất và bán không hoá đơn, nhưng không có hàng hoá cho các cá nhân, tổ chức trên địa bàn huyện T. Bị cáo đã chiết khấu mỗi liên hóa đơn 5% trên tổng số tiền đã ghi. Dương Thị L đã xuất không **14 số hoá đơn** với tổng số tiền là **147.080.000đ** (một trăm bốn mươi bảy triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), thu được **7.354.000đ** (bảy triệu ba trăm năm mươi tư nghìn đồng), nộp thuế theo quy định:

1.470.800đ (một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng), thu lời bất chính là: **5.883.200đ** (năm triệu tám trăm tám mươi ba nghìn hai trăm đồng), số tiền còn lại Bị cáo trả lại cho những người đã mua hóa đơn. Cụ thể, Bị cáo bán hóa đơn cho các cá nhân, tổ chức sau:

- Từ tháng 01/2021 đến tháng 10/2021, bán cho ông Đinh Văn NLQ3 – cán bộ kế toán của Ủy ban nhân dân xã NLQ4, huyện T, tỉnh Phú Thọ 04 (bốn) hoá đơn bán hàng, ghi không trên hoá đơn số tiền là: **69.280.000đ** (sáu mươi chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Các hóa đơn đã bán gồm:
 - + Hóa đơn số 0059650 ghi ngày 26/01/2021, người mua là Hà Thị Thanh X; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Cây Sang lá nhỏ, giá tiền: 19.800.000đ (mười chín triệu tám trăm nghìn đồng);
 - + Hóa đơn số 0015473 ghi ngày 23/3/2021, người mua là Hà Thị Thanh X; mặt hàng ghi trên hóa đơn: cây Bằng Lăng, cây Mộc, giá tiền: 19.000.000đ (mười chín triệu đồng);
 - + Hóa đơn số 0017241 ghi ngày 18/8/2021, người mua là Hà Thị Thanh X; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Cây hoa các loại, giá tiền: 19.860.000đ (mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng);
 - + Hóa đơn số 0018610 ghi ngày 28/10/2021, người mua là Hà Thị Thanh X; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Bệt vệ sinh, chậu rửa, vòi xịt, giá tiền: 10.620.000đ (mười triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).
- Từ tháng 03/2021 đến tháng 11/2012, Bị cáo đã bán cho chị Bùi Thị NLQ1 – cán bộ kế toán của Ủy ban nhân dân xã NLQ2, huyện T, tỉnh Phú Thọ 06 (sáu) hoá đơn bán hàng, ghi không trên hoá đơn số tiền là: **52.990.000** (năm mươi hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Cụ thể các hóa đơn như sau:
 - + Hóa đơn số 0015463 ghi ngày 10/3/2021, người mua là Nguyễn Thị Minh Th; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Lịch để bàn, Chè khô, Chè thanh nhiệt, Nước lọc..., giá tiền: 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng);
 - + Hóa đơn số 0017246 ghi ngày 28/5/2021, người mua là Nguyễn Thị Minh Th; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Cây hoa các loại, phân

- NPK, dung dịch dưỡng cây, giá tiền: 19.860.000đ (*mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*);
- + Hóa đơn số 0017250 ghi ngày 09/9/2021, người mua là Nguyễn Thị Minh Th; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Chè khô, Chè thanh nhiệt, Nước lọc..., giá tiền: 4.200.000đ (*bốn triệu hai trăm nghìn đồng*);
 - + Hóa đơn số 0018294 ghi ngày 13/10/2021, người mua là Nguyễn Thị Minh Th; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Chổi chít, Chổi cước, Nước rửa chén, rửa tay, lau sàn... giá tiền: 6.980.000đ (*sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*);
 - + Hóa đơn số 0018632 ghi ngày 22/11/2021, người mua là Nguyễn Thị Minh Th; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Photo sổ tiêm và theo dõi, Bút bi, Giấy A4..., giá tiền: 6.200.000đ (*sáu triệu hai trăm nghìn đồng*);
 - + Hóa đơn số 0018633 ghi ngày 22/11/2021, người mua là Nguyễn Thị Minh Th; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Cốc nhựa dùng một lần, thuê Phong bật, Bàn ghế..., giá tiền: 10.050.000đ (*mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*);
 - Từ tháng 04/2021 đến tháng 10/2021, Bị cáo đã bán cho chị Hà Thị NLQ5 – cán bộ kế toán của Ủy ban nhân dân xã NLQ6, huyện T mua 04 (bốn) hoá đơn bán hàng, ghi không trên hoá đơn số tiền là: 24.810.000đ (*hai mươi tư triệu tám trăm mười nghìn đồng*). Cụ thể các hóa đơn như sau:
 - + Hóa đơn số 0016251 ghi ngày 28/4/2021, người mua là Mai Thị Thu NLQ1; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Văn phòng phẩm, Giấy A4, giá tiền: 6.040.000đ (*sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*);
 - + Hóa đơn số 0017237 ghi ngày 18/6/2021, người mua là Mai Thị Thu NLQ1; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Ấm chén, bảng biểu, giá tiền: 3.650.000đ (*ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*);
 - + Hóa đơn số 0017220 ghi ngày 27/7/2021, người mua là Mai Thị Thu NLQ1; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Ma kết, Băng rôn... giá tiền: 2.490.000đ (*hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*);

- + Hóa đơn số 0018280 ghi ngày 13/10/2021, người mua là Mai Thị Thu NLQ1; mặt hàng ghi trên hóa đơn: Áo mưa, Ủng, giá tiền 12.630.000đ (*mười hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Bị cáo Dương Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi bán trái phép hóa đơn của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Ngày 25/8/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố Bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với: Dương Thị L về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa chữa, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS năm 2015).

Đối với các thành viên khác của Hợp tác xã tổng hợp L, đều chưa thực hiện việc góp vốn để kinh doanh chung, việc Bị cáo tự ý bán hóa đơn, hưởng lợi cá nhân, các thành viên đăng ký góp vốn đều không biết nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của những thành viên này.

Những cá nhân thực hiện hành vi mua Hóa đơn gồm: Đinh Văn NLQ3, Hà Thị NLQ5 và Bùi Thị NLQ1, những người này có hành vi mua không hóa đơn, sử dụng hóa đơn không hợp pháp để thanh quyết toán với cơ quan Nhà Nước, mặc dù chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, tuy nhiên hành vi này đã vi phạm Nghị định số: 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn và Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020. Ngày 24/10/2022 Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đã có văn bản đề nghị Chi cục thuế khu vực huyện Thanh Sơn - huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với các cá nhân nêu trên.

Đối với hàng hoá được ghi không trên các hóa đơn mà kê toán các xã: NLQ6, NLQ4, NLQ2 đã mua trước đó, quá trình điều tra xác định là có mua hàng ở những cơ sở khác và được sử dụng đúng mục đích. Do vậy Cơ quan CSĐT - Công an huyện T không đề cập thu hồi số tiền trên và xử lý đối với các cơ quan, tổ chức này.

Các cá nhân gồm: Hà Thị Thanh X, Mai Thị Thu NLQ1 và Nguyễn Thị Minh Th là người mua trong các hóa đơn mua hàng hóa, quá trình điều tra xác định những người này không đứng ra giao dịch mua hóa đơn để phục vụ thanh quyết toán. Do đó cơ quan CSĐT - Công an huyện T không đề cập xử lý về hình sự.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 28/CT-VKS-TS ngày 01/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bị cáo: Dương Thị L về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo khoản 1 Điều 203 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, khoản 1, khoản 3 Điều 35 của BLHS năm 2015.

- Xử phạt Bị cáo Dương Thị L từ 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đến 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo L.

- Áp dụng khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bị cáo L theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 37/LCĐKNCT-TA ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106; Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền **5.885.000 đồng** (*năm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) của Bị cáo Dương Thị L.

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo Ủy nhiệm chỉ ngày 03/11/2022 của Kho bạc nhà nước huyện T.

Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án: Của UBND xã NLQ4, huyện T, tỉnh Phú Thọ 04 số hóa đơn và các chứng từ liên quan đến việc thanh, quyết toán kèm theo; Của UBND xã NLQ6 04 số hóa đơn và các chứng từ liên quan đến việc thanh, quyết toán kèm theo; Của UBND xã NLQ2 06 số hóa đơn và các chứng từ liên quan đến việc thanh, quyết toán kèm theo.

4. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị cáo Dương Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; thừa nhận Bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai của Bị cáo thống nhất với lời khai của những tham gia tố tụng khác, phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Như vậy đã xác định được: Trong thời gian từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021, Dương Thị L có hành vi bán **14** (mười bốn) hóa đơn đã ghi nội NLQ1, nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho anh Đinh Văn NLQ3 - kế toán thuộc UBND xã NLQ4, huyện T; chị Hà Thị NLQ5 - kế toán thuộc UBND xã NLQ6, huyện T; chị Bùi Thị NLQ1 - kế toán thuộc UBND xã NLQ2, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Tổng số tiền ghi trên 14 hóa đơn là 147.080.000đ (*một trăm bốn mươi bảy triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*), Bị cáo thu 7.354.000đ (*bảy triệu ba trăm năm mươi tư nghìn đồng*), Bị cáo nộp thuế: 1.470.800đ (*một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng*), thu lời bất chính là: **5.883.200đ** (*năm triệu tám trăm tám mươi ba nghìn hai trăm đồng*), số tiền còn lại Bị cáo trả cho những người đã mua hóa đơn.

Bị cáo thực hiện những hành vi khi có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế nhưng vì mục đích vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện.

Từ các nhận định trên đã đủ cơ sở xác định hành vi của Bị cáo Dương Thị L thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” được quy định tại khoản 1 Điều 203 của BLHS năm 2015.

Cụ thể Điều luật quy định như sau: “*Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu*

lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Vụ án tuy là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của Bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế. Vì vậy cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời đã khắc phục toàn bộ hậu quả xảy ra; Bồ đề của Bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Dương Thị L có 03 (ba) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015, 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015. Số tiền mà Bị cáo được hưởng lợi không lớn, tổn thất do tội phạm gây ra là thiệt hại cho NLQ5 sách Nhà nước đã được khắc phục toàn bộ. Đồng thời do chuyển biến về nhận thức pháp luật, đối với một số tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, khi hậu quả được khắc phục toàn bộ thì nên dùng hình phạt tiền để răn đe, giáo dục người phạm tội mà vẫn thể hiện được sự tôn nghiêm của pháp luật. Nên, xử Bị cáo bằng hình phạt tiền, trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định và ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với khoản 1 Điều 203 và điểm a khoản 1 khoản 3 Điều 35 của BLHS năm 2015.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 203 của BLHS năm 2015 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến*

50.0000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy: Bị cáo lần đầu phạm tội, đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với Bị cáo là phù hợp. Ngoài ra, do hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[4]. Các vấn đề khác trong vụ án:

Các thành viên khác trong Hợp tác xã tổng hợp L, đều chưa thực hiện việc góp vốn để kinh doanh chung, việc Bị cáo tự ý bán hóa đơn, hưởng lợi cá nhân, những thành viên này đều không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của những thành viên này là phù hợp.

Đối với: Đinh Văn NLQ3, Hà Thị NLQ5 và Bùi Thị NLQ1, là những người có hành vi mua khống hóa đơn, sử dụng không hợp pháp để thanh quyết toán với cơ quan Nhà Nước, mặc dù chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, tuy nhiên hành vi này đã vi phạm Nghị định số: 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn và nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020. Ngày 24/10/2022 Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đã có văn bản đề nghị Chi cục thuế khu vực huyện Thanh Sơn - huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với các cá nhân nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực thuế.

Về những mặt hàng được ghi khống trên các hóa đơn mà kế toán các xã: NLQ6, NLQ4, NLQ2 đã mua trước đó, quá trình điều tra xác định là có mua hàng ở những cơ sở khác và được sử dụng đúng mục đích. Do vậy Cơ quan CSĐT - Công an huyện T không đề cập truy thu số tiền trên và xử lý đối với các cơ quan, tổ chức này là phù hợp.

Những người đứng tên mua hàng gồm: Hà Thị Thanh X, Mai Thị Thu NLQ1 và Nguyễn Thị Minh Th, quá trình điều tra xác định những người này không trực tiếp thực hiện việc mua hóa đơn để phục vụ thanh quyết toán. Do đó cơ quan CSĐT - Công an huyện T không đề cập xử lý về hình sự là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.885.000 đồng. Số tiền Bị cáo thu lời bất chính là 5.883.200 đồng, Bị cáo nộp thừa số tiền 1.800 đồng.

Tại phiên tòa Bị cáo không đề nghị được nhận lại số tiền nộp thừa. Do đó, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.885.000 đồng (*năm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), là phù hợp.

Đối với các hồ sơ chứng từ liên quan đến 14 liên hóa đơn vi phạm mà cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ tại UBND xã NLQ4, UBND xã NLQ6, UBND xã NLQ2, đây là vật chứng của vụ án cần tịch thu, lưu hồ sơ vụ án là phù hợp điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội:

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, khoản 1, khoản 3 Điều 35 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Thị L phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt, biện pháp tư pháp:

- Xử phạt Bị cáo Dương Thị L 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).
- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo L.
- Áp dụng Khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bị cáo L theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 37/LCĐKNCT-TA ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106; Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.885.000 đồng (*năm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) của Bị cáo Dương Thị L.

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo Ủy nhiệm chi ngày 03/11/2022 của Kho bạc nhà nước huyện T.

Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án:

Của UBND xã NLQ4, huyện T, tỉnh Phú Thọ 04 số hóa đơn (gồm: Hóa đơn số: 0059650 ngày 26/01/2021 ghi tên hàng hóa: Cây sang lá nhỏ; Hóa đơn số: 0015473 ngày 23/3/2021 ghi tên hàng hóa: Cây bằng lăng, cây mộc L; Hóa đơn số: 0017241 ngày 18/8/2021, ghi tên hàng hóa: Cây hoa các loại; Hóa đơn số: 0018610 ngày 28/10/2021 ghi tên hàng hóa: Bệt vệ sinh, chậu rửa, vòi xịt, gương nhà tắm) và các chứng từ liên quan đến việc thanh, quyết toán kèm theo (từ bút lục 63 đến bút lục 93).

Của UBND xã NLQ6 04 số hóa đơn (gồm: Hóa đơn số: 0016251 ngày 28/4/2021, ghi tên hàng hóa: Giấy A4, văn phòng phẩm; Hóa đơn số: 0017220 ngày 27/7/2021, ghi tên hàng hóa: ma kết, băng rôn; Hóa đơn số: 0017237 ngày 18/6/2021 ghi tên hàng hóa: Ấm chén, băng biểu; Hóa đơn số: 0018280 ngày 13/10/2021, ghi tên hàng hóa: Ủng, áo mưa, đèn pin) và các chứng từ liên quan đến việc thanh, quyết toán kèm theo (từ bút lục 95 đến bút lục 123);

Của UBND xã NLQ2 06 số hóa đơn (gồm: Hóa đơn số: 0015463 ngày 10/3/2021, ghi tên hàng hóa: Lịch để bàn, chè khô, chè thanh nhiệt, nước lọc; Hóa đơn số: 0017246 ngày 28/5/2021, ghi tên hàng hóa: Cây hoa các loại, phân NPK, NLQ1 dịch dưỡng cây; Hóa đơn số: 0017250 ngày 09/9/2021, ghi tên hàng hóa: Chè khô, chè thanh nhiệt, nước uống; Hóa đơn số: 0018294 ngày 13/10/2021, ghi tên hàng hóa: Chổi chít, chổi cước nước rửa chén, nước rửa tay, nước lau sàn, Giấy vệ sinh, kéo tỉa cây, máy bơm nước; Hóa đơn số: 0018632 ngày 22/11/2021, ghi tên hàng hóa: phô tô sổ tiêm và theo dõi, bút bi, giấy A5, bánh kẹo tổng hợp; Hóa đơn số: 0018633 ngày 22/11/2021, ghi tên hàng hóa: Cốc nhựa dùng một lần, nước uống đóng bình, thuê phòng bạt, bàn ghế, nước rửa tay, khẩu trang, găng tay, bình phun khử khuẩn) và các chứng từ liên quan đến việc thanh, quyết toán kèm theo (từ bút lục 12 đến bút lục 60).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Mai